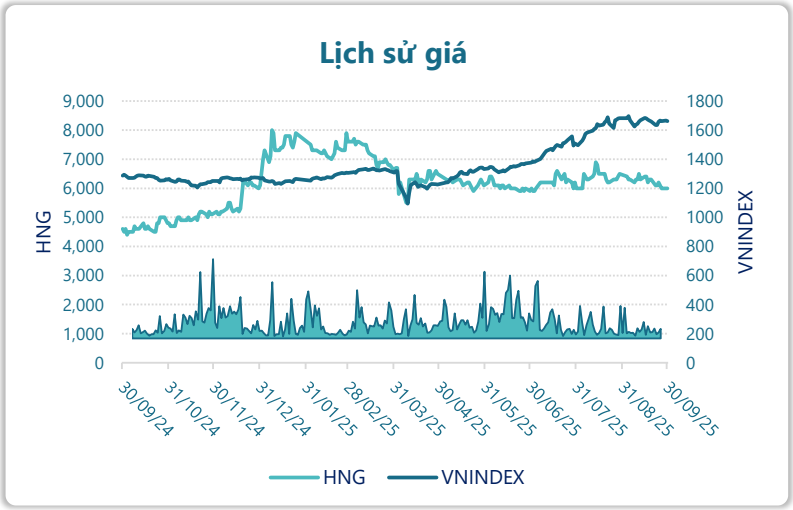
FireAnt

CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (UPCOM: HNG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	1,108,553,895
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,712,985
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,651
P/E	-6.0
EPS	-1,000

DT thuần

Q3/25

214

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 97.0| 83.3%

YoY: ▲ 73.0| 52.1%

LN sau thuế

Q3/25

-119

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 55.0| 31.6%

YoY: ▲ 63.0| 34.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.4%

+/- YoY: ▲ 93.5%

DT thuần

9T 2025

431

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 143| 49.7%

LN sau thuế

9T 2025

-378

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 168| 30.8%

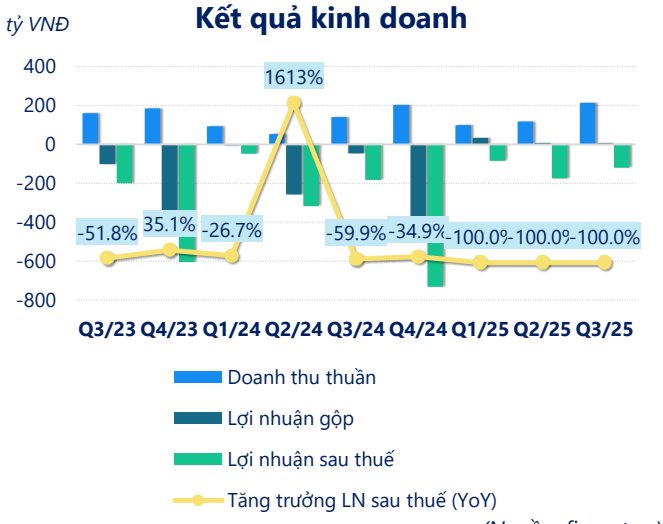
ROE

Q3/25

-64.1%

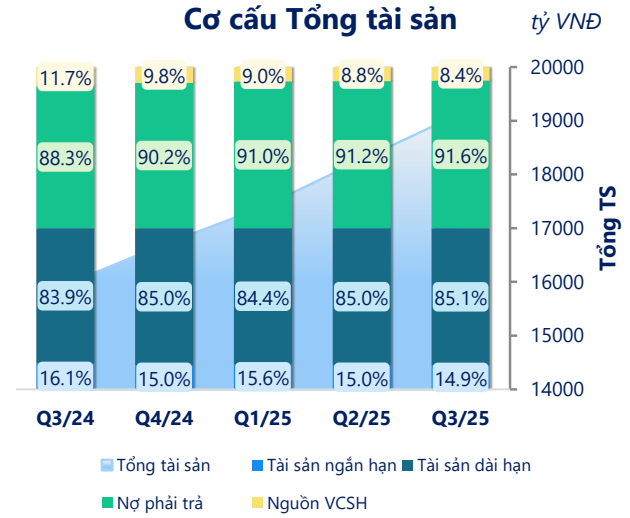
+/- YoY: ▼ 15.7%

Kết quả kinh doanh



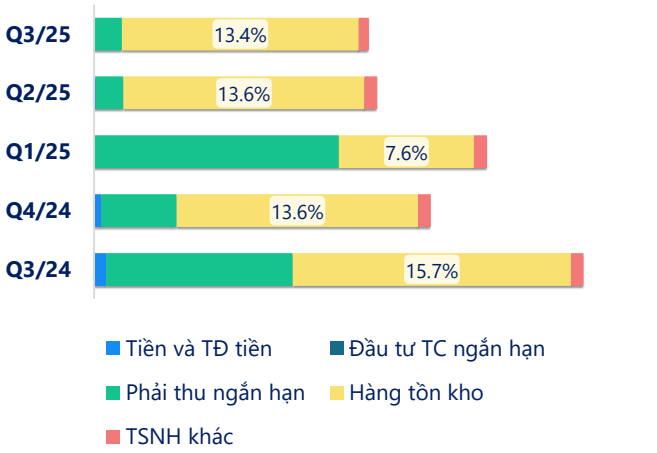
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



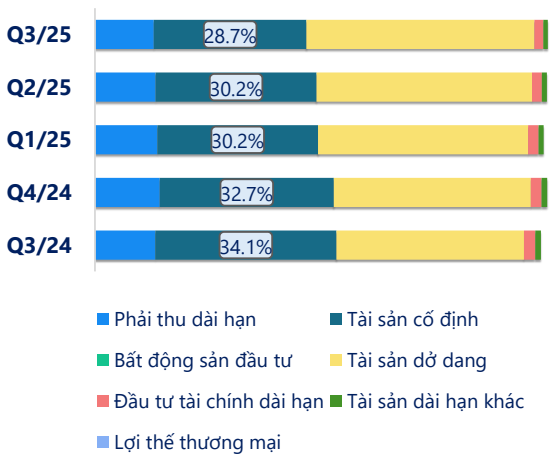
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



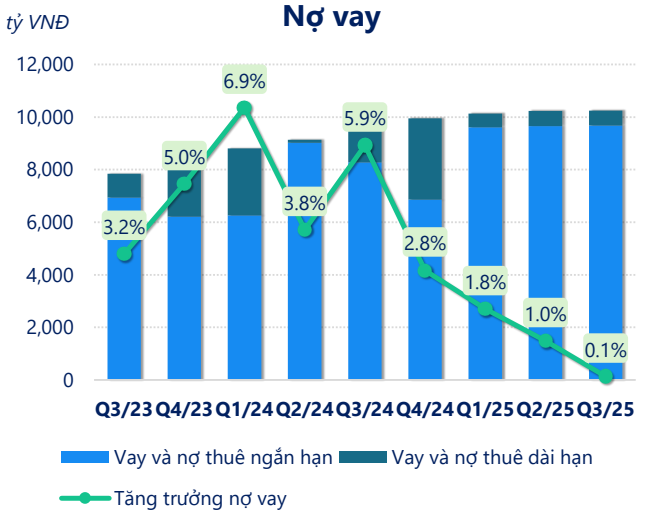
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



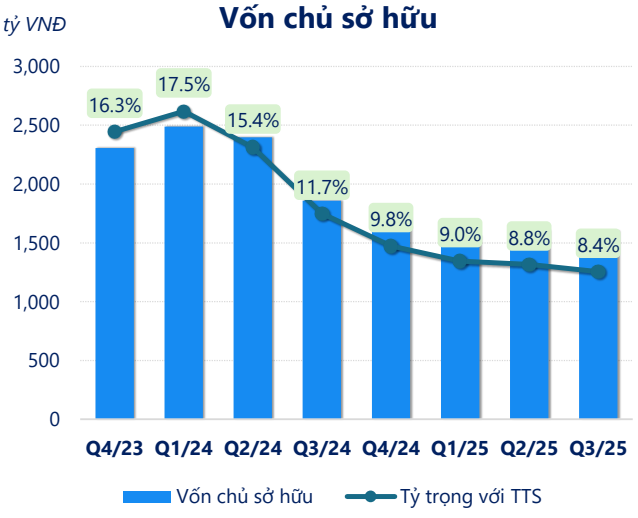
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



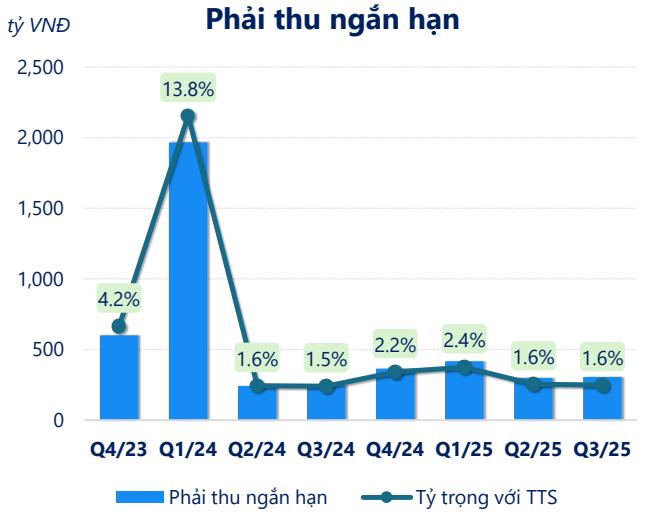
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



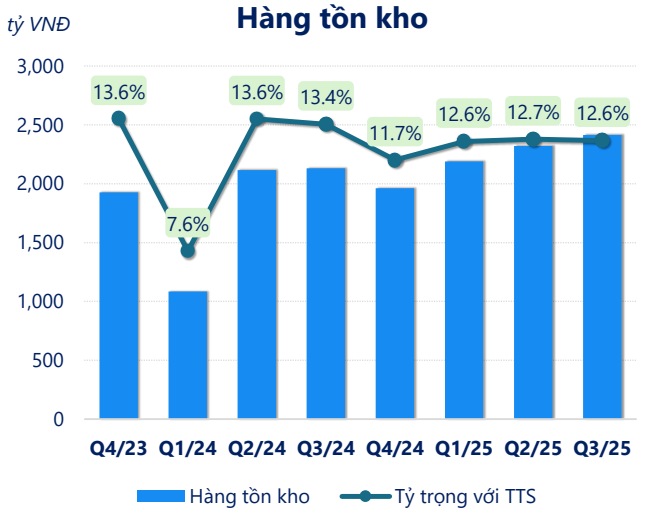
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



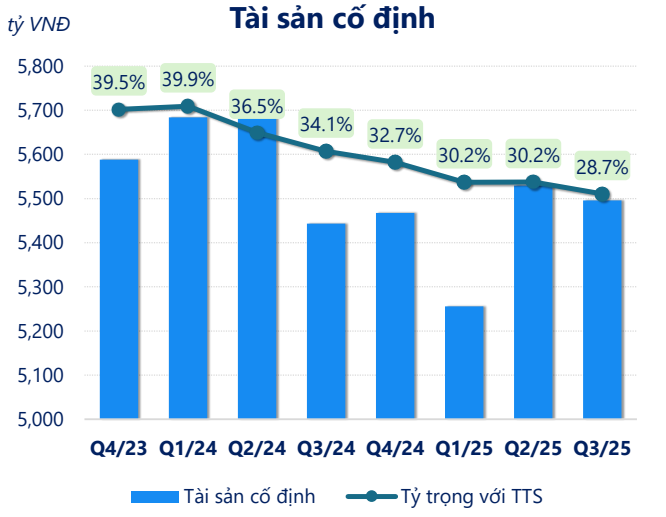
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



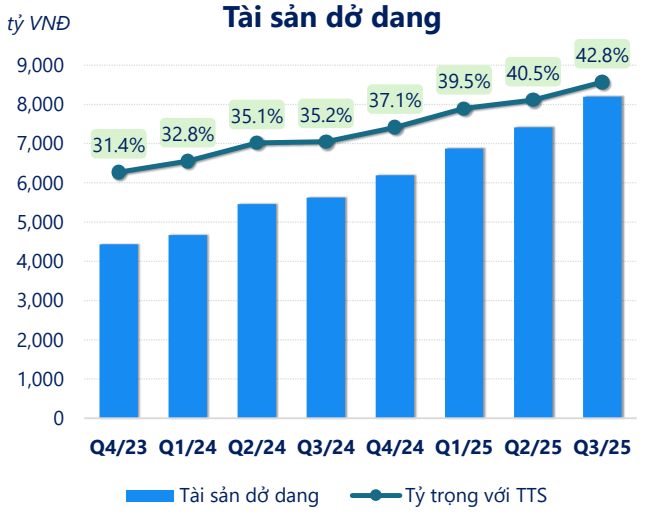
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



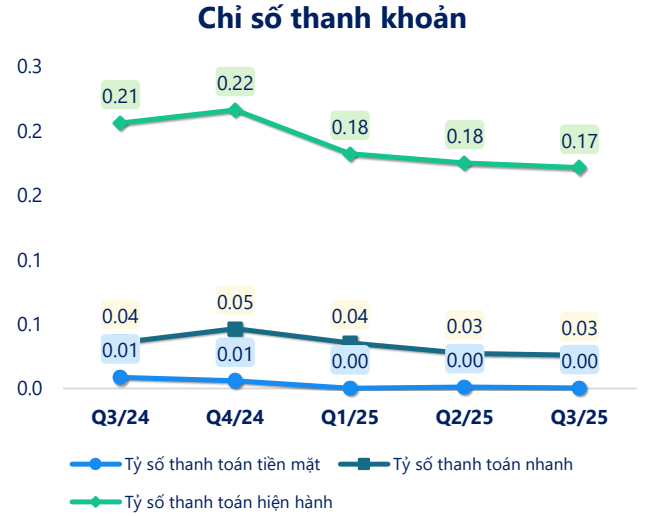
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



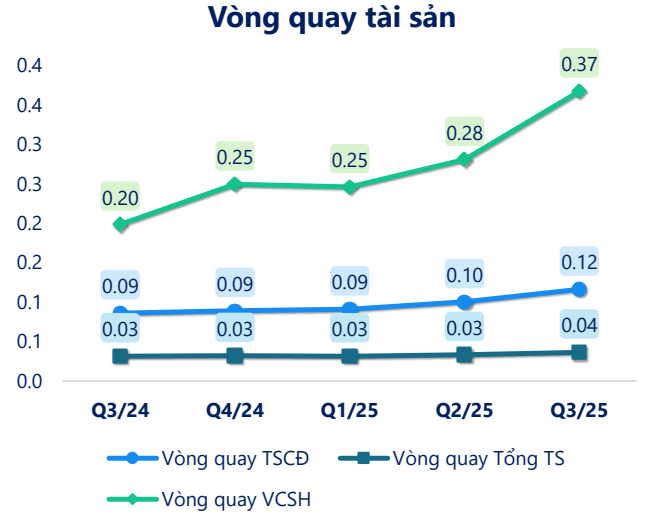
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**15,948**	**16,701**	**17,395**	**18,281**	**19,136**
Tài sản ngắn hạn	**2,575**	**2,498**	**2,714**	**2,748**	**2,844**
Tiền và tương đương tiền	108	69.8	3.32	18.0	6.16
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	245	365	417	298	304
Hàng tồn kho	2,131	1,961	2,189	2,320	2,415
Tài sản ngắn hạn khác	90.7	102	105	112	118
Tài sản dài hạn	**13,373**	**14,203**	**14,681**	**15,533**	**16,293**
Phải thu dài hạn	1,805	2,035	2,042	2,087	2,118
Tài sản cố định	5,443	5,467	5,255	5,530	5,496
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5,620	6,190	6,873	7,413	8,197
Đầu tư tài chính dài hạn	335	338	343	339	321
Tài sản dài hạn khác	170	173	167	165	161
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**14,089**	**15,060**	**15,834**	**16,676**	**17,535**
Nợ ngắn hạn	**12,495**	**11,550**	**14,897**	**15,704**	**16,582**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,271	6,857	9,610	9,651	9,673
Phải trả người bán ngắn hạn	974	1,283	1,419	1,604	1,946
Nợ dài hạn	1,594	3,510	938	973	953
Vay và nợ thuê dài hạn	1,410	3,093	520	578	565
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,859**	**1,641**	**1,561**	**1,605**	**1,601**
Vốn chủ sở hữu	**1,859**	**1,641**	**1,561**	**1,605**	**1,601**
Vốn điều lệ	11,086	11,086	11,086	11,086	11,086
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)